

KIẾN THỨC CẦN NHỚ - Tuần 03

Môn: Toán

Triệu và lớp triệu. Dãy số tự nhiên - Viết số tự nhiên trong hệ thập phân

1. Triệu và lớp triệu

a. Triệu và lớp triệu

10 trăm nghìn gọi là 1 triệu, viết là: 1000000.

10 triệu gọi là 1 chục triệu, viết là: 10000000.

10 chục triệu gọi là 1 trăm triệu, viết là: 100000000.

Lớp triệu gồm các hàng: triệu, chục triệu, trăm triệu.

Chú ý: Một nghìn triệu gọi là một tỉ.

b. Viết và đọc số

Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
3	4	2	1	5	7	4	1	3

Viết số: 342157413

Đọc số: Ba trăm bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm mười ba.

Chú ý: Ta tách số thành từng lớp, từ lớp đơn vị đến lớp nghìn rồi lớp triệu, mỗi lớp có ba hàng. Sau đó dựa vào cách đọc số có tới ba chữ số thuộc từng lớp để đọc và đọc từ trái sang phải.

2. Dãy số tự nhiên

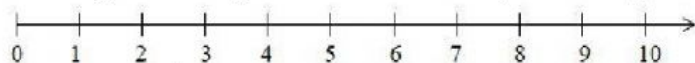
a) Các số: 0; 1; 2; 3; ...; 9; 10; ...; 100; ...; 1000; ... là các số tự nhiên.

Các số tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên:

0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; ...

b) Có thể biểu diễn dãy số tự nhiên trên tia số:

Số 0 ứng với điểm gốc của tia số. Mỗi số tự nhiên ứng với một điểm trên tia số.



c) Trong dãy số tự nhiên:

- Thêm 1 vào bất cứ số nào cũng được số tự nhiên liền sau số đó. Vì vậy, không có số tự nhiên lớn nhất và dãy số tự nhiên có thể kéo dài mãi.

Chẳng hạn, số 1000000 thêm 1 được số tự nhiên liền sau là 1000001, số 1000001 thêm 1 được số tự nhiên liền sau là 1000002, ...

- Bớt 1 vào bất kì số nào (khác số 0) cũng được số tự nhiên liền trước số đó.

Chẳng hạn, bớt 1 ở số 1 được số tự nhiên liền trước là số 0.

Không có số tự nhiên nào liền trước số 0 nên số 0 là số tự nhiên bé nhất.

Trong dãy số tự nhiên, hai số liên tiếp thì hơn hoặc kém nhau 1 đơn vị.

3. Viết số tự nhiên trong hệ thập phân

Trong cách viết số tự nhiên:

1. Ở mỗi hàng có thể viết được một chữ số. Cứ mười đơn vị ở một hàng lại hợp thành một đơn vị ở hàng trên tiếp liền nó.

Chẳng hạn: 10 đơn vị = 1 chục

10 chục = 1 trăm

10 trăm = 1 nghìn

2. Với mười chữ số 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9 có thể viết được mọi số tự nhiên.

Chẳng hạn: Số “chín trăm chín mươi chín” viết là: 999

Số “hai nghìn không trăm linh năm” viết là: 2005

Số “sáu trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm linh hai nghìn bảy trăm chín mươi ba” viết là: 685402793.

Nhận xét: Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó.

Chẳng hạn, số 999 có ba chữ số 9, kể từ phải sang trái mỗi chữ số 9 lần lượt nhận giá trị là 9; 90 ; 900.

Viết số tự nhiên với các đặc điểm trên được gọi là viết số tự nhiên trong hệ thập phân.

80786 =
124705 =

PHIẾU BÀI TẬP – TUẦN 03

Môn: Toán

I - TRẮC NGHIỆM: Đánh dấu X vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Bài 1: Các chữ số thuộc lớp triệu trong số 198 304 576 là :

- A. 9, 8, 3 B. 1, 9, 8, 3 C. 4, 5, 7 D. 1, 9, 8

Bài 2: Giá trị của chữ số 5 trong số 75 003 700 là :

- A. 5 000 B. 5 000 000 C. 50 000 D. 500 000

Bài 3: Số lẻ bé nhất có tám chữ số là :

- A. 10 000 000 B. 10 000 001 C. 1 000 001 D. 11 111 111

Bài 4: Số liệu điều tra số ca khỏi bệnh Covid -19 (số liệu 4 ngày đầu tháng 10) thống kê trong bảng dưới đây:

Thời gian	Số ca
Ngày 01/10	27 250
Ngày 02/10	28 857
Ngày 03/10	28 859
Ngày 04/10	27 683

Ngày có số ca khỏi bệnh nhiều nhất là:

- A. Ngày 01/10 B. Ngày 02/10 C. Ngày 03/10 D. Ngày 04/10

II - TỰ LUẬN:

Bài 1: Viết tiếp vào chỗ chấm (theo mẫu):

Mẫu: Ba trăm năm mươi tư triệu bốn trăm linh bảy nghìn hai trăm: 354 407 200.

Bốn trăm mười lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn:

Chín trăm linh tám triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn:

Bảy mươi hai triệu không trăm linh bốn nghìn một trăm mười hai:

Sáu trăm năm mươi ba triệu không trăm mười lăm:

Bài 2: Viết thành tổng (theo mẫu):

Mẫu: $65\,345 = 60\,000 + 5000 + 300 + 40 + 5$

a. $80\,786 =$

b. $250\,619\,910 =$

Bài 3: Viết (theo mẫu):

Viết số	Đọc số
2 000 000 000	hai nghìn triệu hay "hai tỉ"
9 000 000 000	
25 000 000 000	
	ba trăm bảy mươi lăm nghìn triệu hay "....."

Bài 4: Viết tiếp vào ô trống:

